

VỀ “CHỢ DINH BÁN ÁO CON TRAI...”

Nguyễn Anh Huy*

*Ru em, em théc cho muôi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi Chợ Quán, Chợ Cầu,
Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh.
Chợ Dinh bán áo con trai,
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.*

Câu ca dao của Huế xưa, từng ru tôi từ thuở lọt lòng, nay càng gây thêm bao cảm xúc... Và từ thuở còn bận quần xà-lỏn, mỗi khi mẹ tôi đi lên phố, tôi thường lon ton chạy theo: “-Mẹ đi mô rửa mặt?”, “-Ta (u) đi lên Chợ Dinh Ông!”. Cái tên “Chợ Dinh/Chợ Dinh Ông” đã ăn vào tai tôi ngay từ thuở thơ ấu, nay đã gây biết bao ngộ nhận, vì ở nhà số 386, cuối đường Chi Lăng, thuộc phường Phú Hiệp, cũng có một ngôi chợ có biển tên là “Chợ Dinh”.



Hình 1: Chợ Dinh cuối đường Chi Lăng, phường Phú Hiệp, thành phố Huế.
Ảnh: Nguyễn Anh Huy, 15/7/2020.

* Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.

Gia đình tôi, ở ngôi nhà số 220, đường Chi Lăng, phường Phú Cát, thành phố Huế, đã trải qua 5 đời. Vì là cư dân địa phương lâu đời, cha tôi, ông Nguyễn Văn Cường (1922-2018), từng có bài giải thích về vị trí “Chợ Dinh-Chợ Dinh Ông” là ở khu vực Trường Mầm non Phú Cát (số 150, đường Chi Lăng) hiện nay, đã gây nhiều tranh luận.⁽¹⁾

Khi vua Gia Long cho đào kênh Đông Ba dọc theo thành phía đông của Kinh Thành Huế, khu vực Gia Hội được bao phủ chung quanh bởi nước của Sông Hương và sông Đông Ba, trông như một hòn đảo, nên L. Rey, thuyền trưởng tàu Henry năm 1819 đã vẽ một bản đồ, ghi chú khu vực này với cái tên “*île de Kew Digne (Đảo Chợ Dinh)*”.⁽²⁾ Điều này cho thấy cái tên “Chợ Dinh” quá nổi tiếng, nên mới được sử dụng làm tên của một khu vực rộng lớn. Rồi sau khi cầu Gia Hội được làm bằng xi măng vào năm 1906, giao thông qua cầu này chạy thẳng xuống khu vực quá dễ dàng, nên con đường chính là Phố Chợ Dinh dần quen được gọi thành “*đường Gia Hội*”,⁽³⁾ và “*Đảo Chợ Dinh*” dần được những người Pháp đầu thế kỷ XX gọi là “*île de Gia Hội (Đảo Gia Hội)*”.⁽⁴⁾

Hiện nay, để phát triển đô thị Huế, thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, sáng 13/01/2020, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị trực tuyến quán triệt, triển khai nghị quyết này, trong đó có dự án khôi phục khu phố cổ Gia Hội, Chi Lăng, Bao Vinh...

Trong bản đồ “*Administrados al. S. Coronel Don Carlos Palanca Gutierrez, Dibujado*”,⁽⁵⁾ được Đại tá Tây Ban Nha Palanca Gutierrez vẽ năm 1863 lúc đến Huế với Đô đốc Bonard để ký hòa ước với triều đình Huế, khu vực Gia Hội có ghi chú là nơi “*Ông hoàng bà chúa ở*”, “*các quan ở*”...

Tìm hiểu khu vực này, là một đề tài vô cùng rộng lớn, cần rất nhiều nghiên cứu sâu; trong bài viết này, tôi chỉ nói về “Chợ Dinh” và sơ bộ một số vấn đề có liên quan. Bài viết này, ngoại trừ tham khảo sử liệu chính thống, tôi còn sử dụng lại một số lời kể của cha tôi trong các bài đã dẫn, tranh thủ hỏi han ý kiến của các bậc cao niên, cũng như kể ra những gì tôi đã mắt thấy tai nghe, đồng thời đối chiếu lại một số địa điểm ngày xưa với hiện tại (năm 2020). Với ý mong muốn khơi lại ký ức xưa của cư dân địa phương, cũng như tìm cách lưu giữ địa phương chí, nên đây chỉ là bước đầu tập hợp tài liệu về lịch sử của khu vực, chắc hẳn sẽ còn rất nhiều sai sót, rất mong các nhà nghiên cứu, các nhà sưu tập, cư dân địa phương, các bậc cao niên tiếp tay giúp đỡ, tôi rất chân thành cảm ơn...

I. Về niên đại ra đời của Chợ Dinh

Như trên tôi đã kể, cha mẹ tôi là cư dân địa phương từ nhỏ, đều biết rõ “*Chợ Dinh Ông*” nằm ở khu vực Trường Mầm non Phú Cát, tại ngã ba đường Chi Lăng

với đường Nguyễn Du hiện nay. Theo cha tôi, gọi là Chợ Dinh “Ông” vì ở gần đường Nguyễn Du, khu vực ấy có dinh ông Trần Tiễn Thành, quan Phụ chính Đại thần cuối thời vua Tự Đức (1848-1883).

Một số nhà nghiên cứu Huế cho biết, khi nghe danh xưng “*Chợ Dinh Ông*” đã cho rằng “*cách gọi ấy không phổ biến, nghe rất lạ tai*”;⁽⁶⁾ nhưng một trong những nhân chứng sống cũng biết rõ về “Chợ Dinh Ông” là L. Cadière (1869-1955), một giáo sĩ thừa sai, đến Huế ngày 20/10/1892, và từ đó say mê nghiên cứu Huế và mất tại Huế, ông cho biết: “*Chợ Dinh hay chợ tỉnh, nơi vua ở, như đã nói trên, được Đức Chaigneau chỉ chỗ tại đầu cầu Đông Ba, trên bờ phải sông đào... Đừng nhầm cái Chợ Dinh này với một cái chợ phụ khác, do nói gọn, mà cũng mang tên Chợ Dinh nhưng thật ra thì đó là Chợ Dinh Ông, ‘chợ gần nơi Ông ở’, tên này liên hệ với Hoàng tử thứ 3 của vua Minh Mạng, tức Hoàng tử Miên Định, tước Thọ Xuân Vương, có phủ ở đường Gia Hội, phía bên trái, phía dưới nhà của Chaigneau một chút. Gần phủ của Vương có một chợ địa phương nhỏ được gọi là Chợ Dinh Ông... Địa điểm của chợ này ngày nay vẫn còn; làng chung quanh được gọi là Dinh Thị ‘cái chợ của Dinh’ và con đò nối liền nơi ấy với Cồn Hến đối diện ở giữa sông, được gọi là Đò Chợ Dinh*”.⁽⁷⁾

Tôi dẫn đoạn trích trên với trọng tâm cho thấy Cadière đã chứng kiến có cái chợ tên là “Chợ Dinh Ông”, và rõ ràng cách giải thích của cha tôi, một cư dân địa phương, và của Cadière, có điểm giống nhau: Chợ Dinh Ông ở khu vực Trường Mầm non Phú Cát! Và năm 1922, trong biện luận về địa điểm các ngôi Chợ Dinh, Cadière cũng không nói gì về việc có cái “Chợ Dinh” ở cuối đường Chi Lăng, phường Phú Hiệp ngày nay, nghĩa là thời Cadière nghiên cứu, chưa có cái chợ mới này, mà như cha tôi nói, nó chỉ mới hình thành sau năm 1947 do chiến tranh Pháp-Việt. Còn chữ “Dinh” ấy là dinh ông nào (?), cũng như vì sao lại có cái Chợ Dinh ở chân cầu Đông Ba như Michel Đức Chaigneau kể trong quyển hồi ký *Souvenirs de Hué*,⁽⁸⁾ thì chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu thêm...

1. Dấu vết Chợ Dinh trong thư tịch cổ

- Trong bản đồ của Nguyễn Huy Quính vẽ năm 1785, ta thấy ở ngoài thành Phú Xuân bên trái từ trong nhìn ra có vẽ một ngôi phủ nhỏ gần bờ Sông Hương, tuy không ghi chú địa danh, nhưng chính là Phủ Ao,⁽⁹⁾ cung điện mùa hè của chúa Nguyễn, bên cạnh đó có địa danh “*Phố Chợ Dinh*”⁽¹⁰⁾ được đánh số 27, và bên đò ở Phủ Ao được đánh số 31.

- Năm 1776, Lê Quý Đôn được cử vào công tác ở Phú Xuân, cho biết: “*Xứ Thuận Hóa, huyện Hương Trà... đò Chợ Dinh Xuân Dương, hàng năm tiền thuế 258 quan*”.⁽¹¹⁾

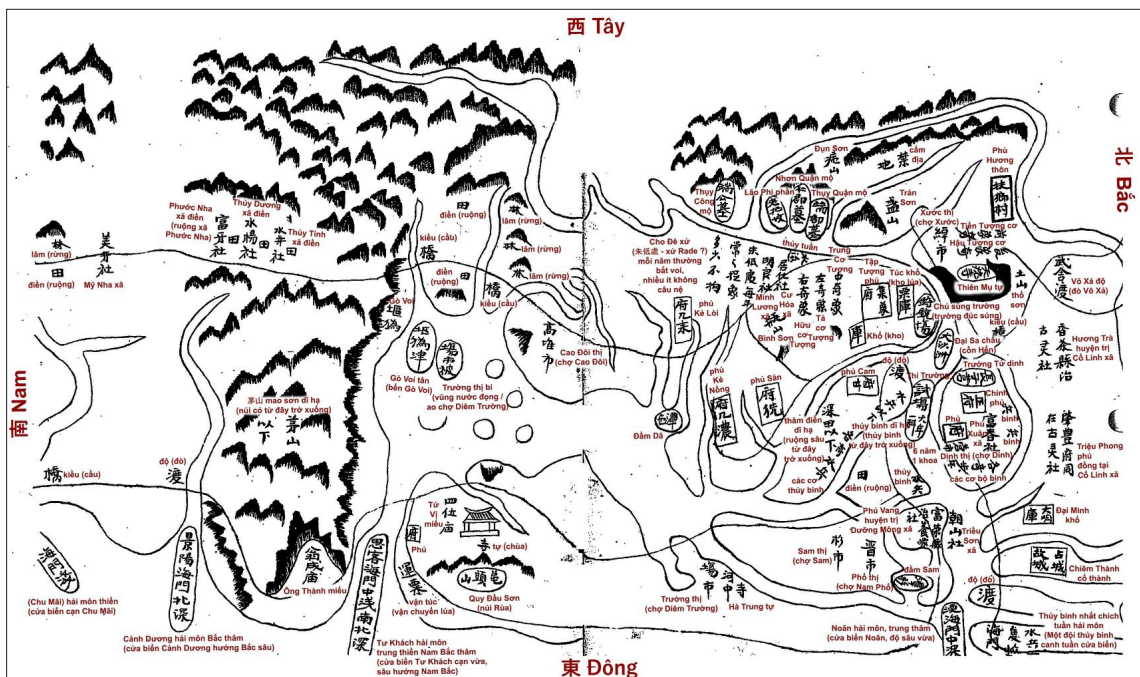
Mặc dù ghi chép này chỉ nói về thuế bến đò, nhưng có liên quan đến địa danh Chợ Dinh.

- Rồi trong *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* do Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774, bên trái từ trong “Phủ Chính” nhìn ra, ta còn thấy có địa danh “營市 *Dinh Thị (Chợ Dinh)*”,⁽¹²⁾ gần bờ Sông Hương sát một cái “Phủ” là Phủ Ao.

- Và “*Kỷ sửu, năm thứ 18 [1709]... Mùa hè, tháng 5... Quân xá ở cơ Tả trung phát hỏa, cháy lan sang CHỢ DINH cơ Hữu trung*”.⁽¹³⁾

Xem lại *Giáp Ngọ niên bình nam đồ*, ta thấy chung quanh Chợ Dinh là “*các cơ bộ binh*”, còn Phủ Ao thời 1709 vẫn còn là nơi duyệt binh, cho nên sử mới ghi ghép địa danh “*CHỢ DINH cơ Hữu trung*”, tức Chợ Dinh nằm gần cơ Hữu trung.

Như vậy, Chợ Dinh đã có trước năm 1709. Tuy vậy, nếu tìm hiểu kỹ hơn, theo tôi, Chợ Dinh có thể đã xuất hiện sớm hơn nữa...



Hình 2: Giáp Ngọ niên bình Nam đồ, bức #4 (Huế), 1774, có địa danh Chợ Dinh.
Ảnh do Brian Wu chú thích tiếng Việt.

2. Định mốc ra đời

Sử cũng cho biết thêm: “*Giáp thân, năm thứ 13 [1704]... mùa thu, tháng 7, lửa bốc cháy từ chợ Phú Xuân đến phủ Đông Trì, cháy lan hơn một vạn nhà*”.⁽¹⁴⁾

Mặc dù phía sau lưng đô thành Phú Xuân của chúa Nguyễn cũng có một cái chợ tên là “Phú Xuân thị (chợ Phú Xuân)”,⁽¹⁵⁾ nhưng xét về địa lý thời ấy, “chợ Phú Xuân” phía bắc sông Kim Long (nay là Ngự Hà), còn phủ Đông Trì (tức Phủ Ao)

thì ở bờ nam sông Kim Long, thời ấy toàn nhà tranh, đám cháy không thể băng qua cả con sông rồi lan đến Phủ Ao được. Vậy, có lẽ nên hiểu là chợ thành Phú Xuân, nhưng ở gần phủ Đông Trì, tức Phủ Ao, như vậy, đây là chợ phục vụ cho dinh Phú Xuân và Phủ Ao tức là Chợ Dinh. Có thể thời ấy chưa dùng danh xưng “Chợ Dinh”, mà tên gọi là “chợ Phú Xuân”, nhưng về khái niệm, vẫn là ngôi chợ phục vụ cho dinh, tức chức năng cũng chính là Chợ Dinh.

Về việc cháy chợ cháy nhà bằng tranh, năm 1695, Thích Đại Sán có kể: *“Trong lúc nói chuyện [với Đại Việt quốc vương Nguyễn Phúc Chu], bỗng có một viên Nội giám từ ngoài bước vào, nói vài câu tiếng Việt, Vương vội chạy ra. Nghe ngoài điện đánh 3 hồi trống. Hồi lâu, Vương trở vào, thở hào hển. Ta thấy lạ hỏi thăm. Vương nói: ‘-Vừa rồi, trại quân bị lửa cháy, sáng sớm chạy qua cứu chữa, xin chịu thất lễ... trong nước toàn NHÀ TRANH, năm nào cũng có hỏa hoạn, mỗi lần cháy lan hàng mấy dặm, nếu chẳng cứu, nhà dân sẽ ra tro hết’...”*.⁽¹⁶⁾

Cũng nói về chợ, Minh vương Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) có làm một bài thơ:

順化晚市
暖烟夕照戀江濱
細听鶯啼處處春
晚市只看紅粉女
通衢不斷展羅塵
時沽白酒能筵客
日用青錢卻便民
交易豈無衡與斗
還餘風俗葛天淳
道人書

Thuận Hóa văn thị⁽¹⁷⁾

Noãn yên tịch chiếu luyến giang tân
Tế thánh oanh đề xứ xứ xuân
Văn thị chỉ khan hồng phần nữ
Thông cù bất đoạn ý la trần
Thời cô bạch tửu năng diên khách
Nhật dụng thanh tiền khước tiện dân
Giao dịch khởi vô hành dữ đấu
Hoàn dư phong tục Cát Thiên thuần

Đạo nhân thư.

Dịch nghĩa:

Cảnh chợ chiều ở Thuận Hóa

Hơi ấm của buổi chiều tà vẫn còn vương vãi nơi bến sông này,
Tai ta lắng nghe tiếng chim hót líu lo như đang giữa mùa xuân vậy.
Đây là cảnh nữ tú đang nhẹ nhàng qua lại,
Lụa là gấm vóc muôn màu bày la liệt khắp đường ra lối vào trong chợ.
Thấp thoáng là những nam thanh với bầu rượu trắng đang mời nhau
chẳng nở chia tay,
Cảnh dân chúng người bán, kẻ mua trao nhau những đồng tiền.

*Việc giao dịch đều bằng tín nghĩa, chẳng hề cãi cọ so đo,
Thì ra thuần phong mỹ tục, nếp sống quảng ái nhuần hậu vẫn còn in đậm
nơi chốn này.*

Một ngôi chợ, mà được Đại Việt quốc vương đến chơi và ngự chế thành thơ ghi lên tô sứ dùng hàng ngày, tất nhiên phải là cái chợ lớn nhất ở đô thành, chứ không thể là chợ nhỏ ở những địa phương; thêm nữa, trong bài thơ Vương có dùng chữ “giang tân (bến sông)”, làm tôi nghĩ ngôi chợ trong bài thơ này chính là Chợ Dinh hơn vì sát bờ Sông Hương.

Và như ta biết:

- “[Năm Đinh Mão, 1687]... Mùa thu, tháng 7, lấy phủ cũ [Kim Long] làm miếu Thái Tông, dời dựng phủ mới sang Phú Xuân (tên xã, thuộc huyện Hương Trà, tức kinh thành bây giờ)...”.⁽¹⁸⁾

- Và trước đó, ở khu vực này cũng từng có Phủ Ao: “Ất Tỵ, năm thứ 17 [1665]... chuẩn bị đồ quân khí để đến tháng 4 làm đại duyệt ở phủ Đông Trì (bấy giờ gọi là Phủ Ao...)”,⁽¹⁹⁾ mà “Phủ cũ Đông Trì rộng hơn vài ba mẫu, tương truyền hồi mới dựng nước, lập kho tàng ở đây để đúc tiền đồng, tục gọi là tiền đồng Phủ Ao, lại thường duyệt binh ở đây, có một cái hồ lớn hơn vài mẫu, nước sâu không bao giờ cạn, vẫn còn dấu vết, nay là phủ đệ của Thọ Xuân công”.⁽²⁰⁾

Chính sự dời thủ phủ từ Kim Long về Phú Xuân năm 1687, mà trên đó đã có sẵn thêm Phủ Ao từ trước (1665), nên vào thời điểm này (1687) có lẽ đã bắt đầu hình thành ngôi chợ phục vụ cho dinh Phú Xuân, tuy có thể chưa có tên chợ, nhưng đã mang khái niệm là Chợ Dinh; và chợ này cũng có thể xuất hiện sớm hơn nữa (1665), để phục vụ Phủ Ao...

Và đến cuối thế kỷ XVIII, khi thương cảng Thanh Hà bắt đầu suy tàn do khu phố bị Sông Hương bào mòn, Hoa kiều ở Đại Minh khách phố bắt đầu chuyển dần lên khu vực Chợ Dinh và năm 1794 đã dựng miếu thờ theo tập tục người Hoa: “Một tấm bia rất cũ của Hội quán Phúc Kiến (tức Tam vương nha miếu) tại Chợ Dinh Thuận Hóa, trùng tu năm Đinh Mão tháng 4, tức Gia Long năm thứ 6 [1807], do Bang trưởng Hứa Tân Phát dâng lên, văn bia chép rằng: ‘Từng nghe, khai sáng ắt có kẻ trước, việc tốt ắt truyền đời sau. Tam vị Vương nha công thay trời tuần hành thiên hạ, chúng ta dựng miếu thờ phụng từ năm Giáp Dần [1794]; mong đội phước thần trải bao ngày tháng. Nay Hoàng hiệu năm Giáp Tý [1804] Ngũ vương bèn đến, truyền mạng từ trời. Kính họp đồng nhân, làm thêm miếu vũ, dựng lại nhà tiền điện, để rạng đức thần linh, lưu phước lành cho con cháu. Long phi năm Ất Sửu [1805] làm lễ lạc thành, chép lại lời này’...”.⁽²¹⁾ Tấm bia này, tôi đã trực tiếp đến Hội quán Phúc Kiến (số 321 đường Chi Lăng) để xem, hiện nay vẫn còn.

Không chỉ là sự thành lập của Phúc Kiến Hội quán vào năm 1794, mà cũng vào năm này, còn thành lập thêm cả Quỳnh Phủ Hội quán của bang Hải Nam, ở số nhà 307 đường Chi Lăng, cũng có biển tên “*Thiên hậu cung*” mà dân gian gọi là Chùa Bà, trong đó còn có di vật ghi năm “*Long phi Giáp Dần*” (1794). Giữa Hội quán Phúc Kiến và Hội quán Quỳnh Phủ còn có thêm Triều Châu Hội quán, nhà số 319 đường Chi Lăng, có lẽ cũng thành lập vào thời điểm này. Cả 3 hội quán này, năm 1968 bị sụp đổ hoàn toàn do chiến tranh, Hội quán Quỳnh Phủ và Hội quán Triều Châu được xây dựng lại năm 1971 với kiến trúc gần như cũ là 1 tầng; riêng Hội quán Phúc Kiến, năm 1973 được xây dựng lại mới hoàn toàn gồm 2 tầng theo mẫu kiến trúc của Đài Loan.



Hình 3: Bản đồ Phú Xuân năm 1785 có địa danh Phố Chợ Dinh.
Trích từ *Quảng Thuận đạo sử tập*.

3. Vì sao “Chợ Dinh bán áo con trai” ?

Đã có dị bản “*Chợ Dinh bán cháo con trai*”, dị bản này có lẽ không đúng vì ở Huế chỉ phổ biến con hén⁽²²⁾ ở Cồn Hén tạo món ăn nổi tiếng là “*com hén*”, chứ không hề có “*cháo con trai*”. Do đó, dị bản này ít được chấp nhận.

Chợ Dinh đã có từ thời chúa Nguyễn, nổi tiếng như vậy, vì sao lại bán áo con trai mà không bán áo con gái?

Có giả thuyết cho rằng do “nhà thơ Thanh Tịnh kể rằng ngày xưa, Định Viễn quận vương [1797-1863] vì hiếm muộn chút thừa kế, thường bỏ tiền mua lụa may toàn áo con trai rất đẹp, đem qua Chợ Dinh bán rẻ để cầu phúc, cầu tự. Thiên hạ bèn kháo nhau đi mua, từ đó phát sinh câu ca dao nói trên. Cũng có người biết rõ việc này bắt đầu ở hội chợ Tết gọi là Gia Lạc (thêm vui) bên bờ Sông Hương do chính ông hoàng ấy tổ chức vào dịp Nguyên Đán Bình Tuất 1826... ông có đến 42 con trai và 31 con gái, vậy chỉ hiếm muộn lúc đầu. Đúng là ngoài ba mươi tuổi, ông mới sinh con trai đầu lòng, công tử Tĩnh Cơ sau mấy năm cầu tự. Xem thế thì câu chuyện trên hoàn toàn có cơ sở tin được, và từ đó chúng ta xác định khung thời gian hẹp về sự ra đời của câu ca dao là khoảng các năm 1826-1827”.⁽²³⁾

Giả thuyết trên có nhiều điểm chưa hợp lý:

Thứ nhất, Định Viễn quận vương quá giàu có đến nỗi vua Minh Mạng nói câu “Phú bất như Định Viễn”. Nếu ông muốn làm phúc thì nên biếu áo quần cho dân gian, chứ không nên làm hành động bán rẻ áo. Và ông đã tổ chức bán rẻ áo con trai ở chợ Gia Lạc nổi tiếng vì đã “có người biết rõ việc này”, chứ không phải bán rẻ áo ở Chợ Dinh như câu ca dao nói; nên câu chuyện “bán áo con trai” này chỉ là một sự trùng hợp tình cờ, rồi được gán ghép chung lại với câu ca dao về Chợ Dinh một cách khiên cưỡng!

Thứ hai, thời điểm 1826-1827 mà giả thuyết cho ra đời câu ca dao, Michel Đức Chaigneau cũng ở Chợ Dinh từ năm 1821 đến năm 1824, đã mô tả trong quyển *Souvenirs de Hué*, mà tôi sẽ trích dẫn đầy đủ ở những phần sau, chợ này chỉ còn là một ngôi chợ nhỏ xíu, còn ngôi chợ lớn nhất ở Kinh thành hồi đó là Chợ Đước (tức chợ Mụ Đặng), mà cái tên “Đước” của ngôi chợ cho thấy đồng nghĩa “Chợ Đước” với việc bán “Đước”. Vậy, nếu Định Viễn quận vương muốn bán được nhiều áo quần để cầu phúc, thì phải đem bán ở ngôi chợ lớn nhất là Chợ Đước, chứ không thể từ nam Sông Hương lặn lội qua bắc Sông Hương mà lại đi bán ở cái Chợ Dinh nhỏ xíu được, trong khi Chợ Đước cũng gần đó chỉ mấy trăm mét!

Vậy, nguồn gốc “Chợ Dinh bán áo con trai” xuất phát từ đâu? Theo tôi có thể dựa vào các căn cứ sau để suy đoán:

- “[1738]... (Nguyễn) Phúc Khoát nói nghiệp... là người thông minh cương nghị... việc gì cũng quả quyết làm. Nhân người ta truyền câu sấm: ‘Bất thế hoàn Trung đô’ (Đến đời thứ 8 thì trở về Kinh đô) bèn đổi áo mũ, thay phong tục để cả nước mở đầu buổi mới, ra lệnh cho quân dân trai gái hai xír ấy quần áo đều theo thể chế Trung Quốc”.⁽²⁴⁾

- “Năm Cảnh Hưng thứ 5 [1744], Nguyễn Phúc Khoát nhân nghe người Nghệ An truyền câu sấm ‘Tám đời trở về Trung đô’, thấy từ Đoan quốc công đến nay vừa đúng tám đời, bèn xưng vương hiệu, lấy thể chế áo mũ trong Tam tài đồ

hội làm kiêu, hạ lệnh... cho trai gái hai xứ đổi dùng áo quần Bắc quốc để tỏ sự biến đổi; đến như KHIẾN PHỤ NỮ ĐỀU MẶC ÁO NGẮN HẸP TAY NHƯ ÁO ĐÀN ÔNG thì Bắc quốc không có thể. Trải hơn 30 năm, người ta đều tập quen, quên cả tục cũ”.⁽²⁵⁾

- “[1765], Phúc Khoát chết... cháu là Phúc Dương gọi là chị Dương... cho gọi con trai làm con gái, gọi con gái làm con trai...”⁽²⁶⁾

Những chứng cứ trên, cho thấy, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát việc gì cũng quả quyết làm, đã bắt mọi người gái cũng như trai, mặc áo mẫu mới theo triều đình quy định, mẫu áo như áo đàn ông mà cả Bắc quốc (tức Trung Quốc) không có thể. Khi mẫu áo mới này do triều đình ban ra, tất nhiên triều đình bày bán mẫu ở ngôi chợ lớn nhất bấy giờ, gần đô thành Phú Xuân nhất, và cũng do triều đình quản lý, tức chính là Chợ Dinh. Các nơi khác muốn có mẫu áo ấy, thì phải đến Chợ Dinh mà mua, cho nên mới có hình thành nên câu ca dao ấy!

Và như vậy, câu ca dao ấy ra đời khoảng vào các năm 1744 là thời điểm Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương, hoàn toàn hợp lý, vì Chợ Dinh đã có trước năm 1709.

Sự thay đổi mẫu áo mới, tạo nên câu ca dao ấy, thời đó sử cho biết: “*Chúa cho rằng lời sấm có nói ‘Tám đời trở lại Trung đô’, bèn đổi y phục, thay phong tục... Thế là văn vật một phen đổi mới”.*⁽²⁷⁾ Còn về sự lộng lẫy của đô thành Phú Xuân thời chúa Nguyễn thì: “*Chúa đã lên ngôi vương, bắt đầu sửa sang đô ấp, dựng hai điện Kim Hoa, Quang Hoa, ba gác Dao Trì, Triều Dương, Quang Thiên và các đường [nhà] Tựu Lạc, Chính Quan, Trung Hòa, Di Nhiên, cùng là đài Sương Xuân, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viện, đình Giáng Hương. Ở thượng lưu Sông Hương lại có phủ Dương Xuân, điện Trường Lạc, hiên Duyệt Võ. Đều chạm vẽ hết sức tinh xảo. Ở vườn hậu uyển thì có non bộ, đá lạ, hồ vuông, hào cong, cầu vòng, thủy tạ. Tường trong tường ngoài đều xây đắp các hình rồng, hổ lân, phượng, hoa cỏ. Gác Triều Dương nhìn xuống dòng sông, quy mô càng rộng rãi sáng sủa. Phía trên phía dưới đô thành đều đặt nhà quân xá và đệ trạch của các công hầu, chia ra từng ô như bàn cờ. Phía ngoài thành thì chợ phố liên tiếp, cây to um tùm, thuyền chài thuyền buôn đi lại như mắc cửi. Thực là một nơi đô hội lớn, văn vật thanh dung lừng lẫy, đời trước chưa từng có...”*⁽²⁸⁾

“*Phía dưới đô thành*”, chính là khu vực “*Phố Chợ Dinh*”, được Lê Quý Đôn chứng kiến và mô tả: “*dưới (Chính Dinh) thì nhà cửa ở Phủ Ao... chợ phố liền nhau, đường cái đi ở giữa, nhà cửa chia khoảng tiếp nhau, đều là mái ngói. Cây to bóng mát, tả hữu thành hàng. Thuyền buôn bán, đồ dọc ngang đi lại như mắc cửi. Bài ‘Sơn Minh’ của Chu Dĩ Tín có câu rằng ‘Thanh ý xuân môn, câu cừ giao ánh; lục hộc thu thị, chu tiếp liên thông’ (Cửa xuân như dải tóc xanh, khe ngòi ánh*

lộng; chợ thu dưới bóng hòe lục, thuyền chèo qua lại) tưởng cảnh sắc cũng như thế này thôi”.⁽²⁹⁾

II. Trải qua một cuộc bể dâu...

Khu vực giữa đô thành Phú Xuân và Phủ Ao chỉ có duy nhất một ngôi chợ là “*Phố Chợ Dinh*” để phục vụ cho cả khu vực. Nhưng đánh một đòn vào “*Phố Chợ Dinh*” này, là việc vua Gia Long đào kênh Đông Ba để xây dựng Kinh Thành Huế năm 1805. Sự kiện lớn lao này đã làm “*Phố Chợ Dinh*” thời chúa Nguyễn bị biến dạng, xáo trộn, mà theo tôi, đã bị cắt thành nhiều ngôi chợ khác...

1. “Đông Ba, Gia Hội, hai cầu”

Trước khi vua Gia Long đào sông Đông Ba, phố Chợ Dinh từng bị cháy và được quy hoạch lại: “[1804], mùa thu, tháng 7... Đông Trì bị cháy, cháy lan tới hơn 100 nhà. Vua thấy nơi ấy nhà cửa chật hẹp, bèn sai Giám thành sứ Nguyễn Văn Yên chia vạch xóm làng, để phòng nạn cháy”.⁽³⁰⁾ Sau đó, giữa Kinh Thành Huế và khu vực Phủ Ao đã bị chia cắt bởi kênh đào Đông Ba từ năm 1805; để qua lại, người ta đã bắt qua sông 3 cái cầu:

“**Cầu Gia Hội:** Trước tên là An Hội. Năm Minh Mệnh thứ 18 [1837] đổi tên. Năm Thành Thái thứ 10 [1898], gác sắt. Năm thứ 18 [1906], đổi xây bằng vôi và xi măng. **Cầu Đông Gia:** Tên cũ là ĐÔNG BA. Năm Minh Mệnh thứ 20 [1839] đổi tên. Năm Thành Thái thứ tư [1892], gác sắt. **Cầu Đông Hội:** Tên cũ là Thanh Tróc. Năm Minh Mệnh thứ 19 [1838], đổi tên hiện nay”.⁽³¹⁾

Trong 3 cái cầu này, cầu Gia Hội⁽³²⁾ và cầu Đông Ba⁽³³⁾ nổi tiếng hơn, nhờ những cái chợ mới được nhóm trở lại theo từng góc, do Chợ Dinh cũ có trước năm 1805, đã bị sông Đông Ba chia cắt mà ra...

Trước tiên, là sự nhóm lại việc buôn bán từng phục vụ cho đô thành Phú Xuân cũ, nay tập hợp lại sát ngay tại cửa Chính Đông (tục gọi là cửa Đông Ba) của Kinh Thành Huế mới được vua Gia Long xây lại: “**Chợ Đông Gia:** Ở phía Đông Nam cầu Đông Gia, thuộc huyện Hương Trà. Năm Gia Long, chợ đặt ở ngoài quách cửa Chính Đông. Giữa chợ cất một đình lợp ngói, tên là đình Quy Giả, đình xây hai tầng. Năm Đồng Khánh thứ hai [1887], cho làm thêm đình chợ và quán chợ... Năm Thành Thái thứ 11 [1899], dời đến Trường Tiền...”.⁽³⁴⁾ Chợ này, do nằm gần cầu Đông Ba, nên quen gọi là “*Chợ Đông Ba*”; và chợ phục vụ cho Kinh Thành Huế, nên có lẽ là chợ lớn nhất hồi ấy, bởi ngay cả kẻ phạm pháp, cũng được đem ra chém ở đây để răn dân chúng.⁽³⁵⁾

Riêng ngôi Chợ Dinh cũ, còn tàn tích, nằm đối diện với chợ Đông Ba phía chân cầu bên kia (tức đầu đường Nguyễn Chí Thanh hiện nay). Ngôi Chợ Dinh cũ này đã được một nhân chứng sống ở ngay trong lòng khu vực này từ năm 1821

đến 1824 là Michel Đức Chaigneau vẽ bản đồ cũng như kể lại: “[**CHỢ DINH**] Ở đầu mút của cây cầu kia [cầu Đông Ba], lối dẫn về cổng phía đông, có Chợ Dinh, nhỏ hơn Chợ Đước nhiều, nhưng cảnh quan và hàng hóa buôn bán thì cũng gần tương tự. Giống như Chợ Đước, Chợ Dinh cũng có con đường lớn nối dài, song song với đường thứ nhất, dọc hai bên đường là hàng quán và tư gia. Ta có thể thấy trong khoảng cách giữa hai chợ, trên con đường hẹp dọc theo con sông nhỏ, là một ngôi chùa tuyệt đẹp, chùa Đông Ba, xây dựng rất tốn kém, nơi mà các nhà sư đến tụng niệm khi được các phú hộ trả tiền”.⁽³⁶⁾ Ngoài “Chợ Dinh” ra, Michel Đức Chaigneau còn mô tả và vẽ sơ đồ “Chợ Đước”⁽³⁷⁾ nằm ở chân cầu Gia Hội nơi công viên đầu đường Trịnh Công Sơn hiện nay...

Như vậy, đến thời Gia Long - Minh Mệnh, ở hai chân cầu hai bên cầu Đông Ba, có hai cái chợ xuất hiện như đồng thời là chợ Đông Ba và Chợ Dinh. Ta thử tưởng tượng, nếu không có con sông Đông Ba mới đào năm 1805, thì rõ ràng hai cái chợ này cũng chỉ là một!

Có nghĩa rằng chợ Đông Ba xuất hiện từ một Chợ Dinh đã có từ trước, là do việc đào sông Đông Ba mà cắt từ một làm thành hai cái chợ! Tức chợ Đông Ba, cũng chỉ là một hậu thân của Chợ Dinh! Sau đó, đến năm 1899, chợ Đông Ba được “đem ra ngoài giai” và được xây lớn như ngày nay.

Còn Chợ Dinh, phục vụ khu vực Phủ Ao chỉ là dân cư địa phương nên nhỏ hơn chợ Đông Ba, và sau này dần sáp nhập vào “Đông thành tam hàng” và phố Chợ Dinh (sẽ đề cập ở phần sau). Michel Đức Chaigneau, trong quyển hồi ký, đã cho biết: “Trở về lại Huế, vào cuối năm 1820, cha tôi đã mua một căn nhà khác ở **Chợ Dinh**, ở một trong những thị trấn vùng ven của Kinh thành, nơi gia đình tôi sẽ sinh sống cho đến 1825, năm mà chúng tôi sẽ rời vĩnh viễn xứ Cochinchine”.⁽³⁸⁾

Ngôi nhà mà cha của Michel Đức Chaigneau – tức J. B. Chaigneau, người từng giúp đỡ vua Gia Long, nay trở lại Huế với tư cách là Lãnh sự Pháp – mua ở như đã nói trên, đã được L. Cadière và H. Cosserat nghiên cứu, mô tả năm 1922 trên *BAVH* như đã dẫn, nhờ có sơ đồ vẽ lại, nay tôi đã tìm lại đúng dấu vết ở ngôi nhà số 66 đường Chi Lăng.

Riêng về chợ phố ở phía bên Phủ Ao cũ thì đến thời Minh Mệnh phát triển lớn như sau: “Minh Mệnh năm thứ 18 [1837], mùa hạ, tháng 5... Đổi tên cầu An Hội làm cầu Gia Hội, lập chợ Gia Hội, xây dựng phố dài. Vua nghĩ một dải phố bờ phía đông sông tả hộ thành, dân cư xen lẫn nhà tranh, thường bị nạn cháy, bèn sai thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo coi đem binh làm nhà ở chợ Gia Hội lợp bằng ngói (89 gian), mặt trước chợ ra đến sông làm một cái đình gọi là đình Quy Giả, đình làm 2 tầng, lại từ phía bắc cầu Gia Hội đến chỗ ngang với góc đài Trấn Bình làm lên phố dài gọi là phố Gia Hội, Đông Ba, Đông

Hội (tất cả 399 gian, dài suốt hơn 319 trượng, dân xin làm lại 147 gian, Nhà nước làm 252 gian, đều cột bằng gạch, xây bằng vôi, mặt trước làm cửa ngõ, cứ 3 gian ngăn bằng tường gạch, mặt sau xây gạch, vách mở cửa cuốn, sau vách để không 5 thước làm đường nhỏ, từ phía bắc cầu Gia Hội đến phía nam cầu Đông Ba gọi là phố Gia Hội, từ phía bắc cầu Đông Ba đến phía nam cầu Thế Lại gọi là phố Đông Ba, từ phía bắc cầu Thế Lại đến chỗ ngang với góc đài Trấn Bình gọi là phố Đông Hội, bờ sông xây bằng đá, lan can xây bằng gạch để ngăn chắn). Cho dân thường tự làm hai nhà thì không phải đóng thuế địa tô, nhà của Nhà nước làm mà dân muốn ở thì mỗi gian mỗi năm nộp tiền 20 quan, nhận đủ 120 quan thì được nhận làm của riêng, tiền ấy do phủ Thừa Thiên thu giữ, để phòng chẩn cấp cho dân nghèo và chi phí việc sửa sang cầu cống, đường sá. Quan phủ Thừa Thiên lại xin ở 2 tầng trên, dưới đình Quy Giả như gặp khi có xe vua đi qua đều đặt hương án, treo cờ đỏ để đón và tiễn theo như lễ nghi (các phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội cũng thế). Còn ngày thường ngồi từng hàng và lên đầy ngoạn cảnh thì không cấm. Các người bày hàng ở phố chợ thì chia ra từng hạng đánh thuế (hàng năm 1.286 quan tiền) cùng với tiền nhà ở phố phải nộp (30.240 quan tiền) sung cấp cho dinh vệ các quân để chi phí việc công nhu. Vua nói rằng: ‘Làm ra phố chợ, cốt để phòng hỏa hoạn, tiện cho dân ở, nguyên không thêm tính toán tiền thuế, duy nhân dân có lợi được ở, mà biến binh phải làm rất là khó nhọc. Vả lại dinh vệ các quan thường năm theo lệ có cấp tiền công nhu, nay các nhà ở phố chợ, số tiền phải nộp xem ra nhiều, nên lấy số tiền ấy cấp thêm một nửa, cho được cùng hưởng lợi ấy. Vậy cho Bộ Hộ châm chước bàn định thi hành’... Rồi cho 3 phố Gia Hội, Đông Ba, Đông Hội đều lấy tên hàng là 3 hàng ở phía đông thành. Lại từ chợ Gia Hội thẳng đến hạ áp Chợ Dinh, chia đặt làm 8 hàng, tên hiệu riêng biệt, gọi là 8 hàng dọc sông (Gia Thái hàng, Hòa Mỹ hàng, Phong Lạc hàng, Doanh Ninh hàng, Hội Hòa hàng, Mỹ Hưng hàng, Thụy Lạc hàng, Tam Đăng hàng, dài suốt 452 trượng), các hàng đều có biển ngạch (viết rõ tên hàng như các chữ Gia Hội hàng...) đặt 1 người hàng trưởng, để truyền bảo công việc cho nhanh”.⁽³⁹⁾

2. Vì sao xuất hiện “Chợ Được” rồi lại suy tàn?

Khi chuyến tàu chở gia đình J. B. Chaigneau đến Huế năm 1821, Michel Đức Chaigneau kể tiếp: “...Một khóm nhà nằm ở khu vực **Chợ Được**, ngoại ô Kinh thành, đang được rao bán, cha tôi mua lấy ngay để chúng tôi dọn về đó...”.⁽⁴⁰⁾

Chúng ta lưu ý rằng, rõ ràng trong tất cả bản đồ cổ cũng như trong các tài liệu thời chúa Nguyễn mà tôi đã dẫn trên, chưa bao giờ thấy nhắc đến danh xưng “Chợ Được”, nhưng thời Gia Long, đã có chợ này, vì đã được Michel Đức Chaigneau mô tả vào năm 1821 rất kỹ lưỡng và dài dòng, ở đây, tôi chỉ xin trích dẫn ý chính: “[**CHỢ ĐƯỢC**] Ở khu vực phía đông có hai khu buôn bán lớn: Chợ Được và Chợ Dinh. Từ mặt thành chính của vòng thành thứ nhất, ta sẽ đến Chợ Được sau khi

vượt qua góc thành đông nam của vòng thành và đi qua chiếc cầu bắc qua con sông bao quanh vòng thành. Chợ này nằm ở đầu cầu và choán một vùng đất rộng lớn dọc theo con sông. Tại vùng Kinh thành Huế, đó là ngôi chợ đầy đủ nhất với mọi thứ hàng hóa nhu yếu... Rồi khu chợ này ta sẽ đến một con đường⁽⁴¹⁾ mà dọc theo hai bên đường là những căn chòi không cùng kích cỡ... Chèn lẫn giữa những cái chòi bề ngoài tồi tàn như vậy là vài căn nhà lợp ngói, với kiến trúc thanh lịch và vững chắc hơn, của những phú hộ dư ăn dư mặc hay những thương gia giàu có, buôn bán vừa sỉ vừa lẻ... Con đường này đi thẳng đến bờ sông, nơi có những con đò đưa khách qua bờ bên kia: mặt đường rộng rãi và được giữ gìn sạch sẽ bởi chủ các cửa hàng và các phú hộ. Nhưng khi rời dần khu vực chợ thì hàng quán càng thưa thớt, đến quãng giữa con đường thì chỉ còn những tư gia với hàng rào tre. Nhờ kề cận con sông và Kinh thành, và do có buôn bán lẻ, nên con đường này hàng ngày rất đông người qua lại... Vừa rồi như thế, ta đã xem qua cảnh quan thường ngày của khu vực Chợ Đước, nơi mà đông đảo người dân ở Kinh thành có thể mua sắm mọi thứ cần dùng trong đời sống sinh hoạt”.⁽⁴²⁾

Mãi đến thời Tự Đức (1848-1883), sử sách của triều đình vẫn còn ghi: “**Chợ Gia Hội**: ở huyện Hương Trà, phía đông cầu Gia Hội, **tục gọi chợ Mụ Đặng**, một dải ven sông nhà tranh của dân ở xen nhau, thường có hỏa hoạn. Năm Minh Mệnh thứ 18, sai thự Thống chế [quân] Vũ lâm Lê Văn Thảo, đốc binh sĩ dựng nhà lợp ngói, gồm 89 gian. Chợ nhìn ra sông dựng đình gọi là đình Quy Giả, đình làm 2 tầng...”.⁽⁴³⁾ Và ở chợ Gia Hội này, tức chợ Mụ Đặng, đều có bến đò để phục vụ chuyên chở hàng hóa: “**Bến đò Gia Hội**: Ở chợ Gia Hội, chèo sang ấp Hô Lâu”.⁽⁴⁴⁾

Và đến khoảng năm 1876, Detreuil de Rhins cũng báo cáo Chợ Đước vẫn còn: “Con đường lớn từ đầu cầu (tức cầu Gia Hội) đều là phố buôn của Hoa kiều... chừng 150 đến 180 người ở ‘Kieu-deouc’ (Chợ Đước)... Tại Chợ Đước, các hàng hóa Hoa kiều giống như các cửa hàng lớn bây giờ (Bazar). Những hàng bán, đặc biệt là vải Trung Quốc và vải Anh Quốc vải quyn hay vải bông, đồ sứ, đồ gốm, đồ dùng trong nhà, trà, thuốc bắc, cái bắc thảo, thuốc lá, đồ văn phòng, đồ chơi, đồ tế tự và phần nhiều đồ tạp hóa cần dùng hàng ngày. Các Hoa thương đến từ các tỉnh bên Tàu, như Hải Nam, Quảng Đông, Phúc Kiến... Tuy thuộc hội đồng hương, tôn giáo khác nhau, nhưng họ vẫn đoàn kết với nhau rất chặt chẽ...”.⁽⁴⁵⁾

Thế nhưng, đến thời Duy Tân (1907-1916), khi mô tả khu vực này, thì sử sách của triều đình không còn ghi về “Chợ Đước” nữa: “**PHỐ CHỢ**: Năm Gia Long, từ phía Đông Bắc cầu Gia Hội đến phía Đông Nam cầu Đông Gia, một dãy dân cư dọc theo bờ sông, lập phố xá bằng nhà tranh ở chung với nhau, thường có hỏa hoạn. Năm Minh Mạng thứ 18 [1837], vua sai thự Thống chế quân Vũ lâm là Lê Văn Thảo đốc sức binh lính cất nhà lợp ngói 89 gian. Từ cầu Đông Gia đến ngang Trấn Bình Đài, cất riêng dãy phố gồm 399 gian, dài hai dặm lẻ. Còn nhân dân xin

cát 149 gian có vách tường, cột trụ, xây gạch quét vôi, mặt trước làm cửa có cánh. Cứ mỗi ba gian ngăn một tường gạch, mặt sau xây gạch, có cửa vòng nguyệt. Nhân dân đều ở buôn bán, đến nay mua qua bán lại với nhau, và có làm riêng thêm, nhà ngói san sát, buôn bán tấp nập. **Phố Gia Hội:** Từ phía Đông Bắc cầu Gia Hội đến phía Đông Nam cầu Đông Gia, nay thuộc phường Đệ Ngũ. **Phố Đông Gia:** Từ phía Bắc cầu Đông Gia đến phía Nam cầu Thế Lại, nay thuộc phường Đệ Nhất (các phố sau đây cũng thuộc phường này). **Phố Đông Hội:** Từ phía Bắc cầu Thế Lại đến góc Trấn Bình Đài. Ba phố trên đây, từ năm Gia Long đều đã lợp ngói, nhà ngói san sát, người Thanh ở lẫn với người Việt, buôn bán hàng hóa và các sản vật đều đủ. Sau đổi gọi ba phố ấy là Tam Hàng, lại gọi là Tam Hàng Thành Đông. **Phố Chợ Dinh:** Từ cầu Gia Hội đến ấp Dinh Thị Hạ, chia đặt làm tám hàng: hàng Gia Thái, hàng Hòa Mỹ, hàng Phong Lạc, hàng Dinh Ninh, hàng Hội Hòa, hàng Mỹ Hưng, hàng Thụy Lạc, hàng Tam Đăng, gọi là tám hàng ở dọc sông, dài ba dặm lẻ, giữa có đường lớn, hai bên tả hữu phố, nhà ngói đối diện nhau, người Thanh buôn bán tấp nập, so với ba phố trên lại có vẻ hơn”.⁽⁴⁶⁾

Vì sao có sự xuất hiện của Chợ Được vào thời Gia Long? và bị biến mất vào thời Duy Tân? Theo tôi là như thế này:

Theo bản đồ năm 1785, ta thấy Chợ Dinh được vẽ nhiều dãy nhà với chú thích “Dinh Thị phố”.⁽⁴⁷⁾ Rõ ràng đây là một khu “Phố Chợ Dinh” to lớn.

Khi vua Gia Long đào kênh Đông Ba vào năm 1805, “Phố Chợ Dinh” này có thể đã bị dời ra gần bờ Sông Hương ở chân cầu Gia Hội - đường Trịnh Công Sơn hiện nay, gần bến đò, cũng là nơi bắt đầu đào sông Đông Ba, cho tiện việc chợ đò buôn bán, phục vụ dân quân đào sông. Ở chợ mới này, do phục vụ nhu cầu của hàng ngàn người luôn tụ tập đào sông xây thành, buôn bán được, nên từ đó gọi là “Chợ Được”.

Sau khi sông đào xong, việc xây Kinh Thành Huế hoàn tất, việc phục vụ buôn bán cho Kinh Thành, thông qua cửa Đông Ba là rất cần thiết, lại thêm sự vận chuyển bằng đường thủy trên sông Đông Ba mới đào, rất thuận tiện, cho nên một số người buôn bán ở Chợ Dinh cũ đã quay trở lại phục vụ Kinh Thành Huế. Phần chợ phía chân cầu Đông Ba bên đường Nguyễn Chí Thanh, lấy theo tên “Chợ Dinh” cũ như Chaigneau đã mô tả. Do có cầu Đông Gia (cầu Đông Ba), nên Chợ Dinh này ăn lan qua phía bên kia cầu gần cửa Chính Đông (cửa Đông Ba) tạo nên ngôi chợ mới, được triều đình gọi là “Chợ Đông Gia” (tức chợ Đông Ba) như sử triều Nguyễn ghi. Do sức mua hàng hóa ở Kinh Thành Huế lớn, nên tầm ảnh hưởng của chợ Đông Gia ngày càng lớn, làm cho Chợ Dinh ở phía bên này cầu Đông Gia ngày càng mất vai trò, nhỏ dần như Chaigneau kể, và dần biến mất...

Phần còn lại của chợ ở bờ Sông Hương, có thể do mục họ Đặng bao thầu, nên gọi là “Chợ Mục Đặng”, và có miếu thờ⁽⁴⁸⁾ bài vị ghi “Đặng thị”. Âm Nôm

“Đặng” và “Được” gần đồng nghĩa nhau: bán được = bán đặng, nên chợ này có tên là Chợ Được hoặc chợ Mụ Đặng. Chợ này chủ yếu tập trung những người ở nam Sông Hương qua buôn bán ở bắc Sông Hương bằng đò ngang đã có sẵn từ trước, và tiếp tục hoạt động mạnh mẽ như Chaigneau mô tả, cho đến thời Thành Thái (1889-1907).

Trong quá trình đô thị hóa, những người bán hàng ở Chợ Được, giàu có, dần xây nhà kiên cố bằng gạch tạo nên con đường như Chaigneau kể: *“Rời khu chợ [Được] này ta sẽ đến một con đường mà dọc theo hai bên đường là... vài căn nhà lợp ngói, với kiến trúc thanh lịch và vững chắc hơn, của những phú hộ dư ăn dư mặc hay những thương gia giàu có, buôn bán vừa si vừa lễ. Cửa hiệu của những thương gia được ốp gỗ trông sang trọng, hàng hóa thì đa dạng, phong phú, dồi dào, được trưng bày khá cân đối, tạo ra một cảnh quan thật đối chọi với những hàng quán nghèo nàn hàng hóa sơ sài ngay bên. Con đường này đi thẳng đến bờ sông, nơi có những con đò đưa khách qua bờ bên kia”*.⁽⁴⁹⁾ Con đường này chính là đường Chi Lăng ngày nay vì hai bên có nhà, và chạy thẳng đến bến đò Chợ Dinh.

Dù ban đầu là một ngôi chợ, nhưng khi phần “đô”, tức nhà cửa kiên cố dần lớn lên, thì phần “thị”, tức phần chợ, chủ yếu cho những người ở nơi khác đến bày bán mà ban đêm không ở lại chợ, sẽ dần co nhỏ, hẹp lại.

Do thương cảng Thanh Hà dần bị lờ và suy tàn, Hoa kiều ở Đại Minh khách phố cũng dần chuyển đến Chợ Được và đô thị hóa thành phố Hoa kiều mà triều đình đặt tên là “*Phố Chợ Dinh*”. Đây chính là đường Chi Lăng ngày nay, nổi tiếng đến nỗi ngay từ năm 1819, L. Rey gọi cả khu vực này là “*île de Kew Digne (Đảo Chợ Dinh)*”.

Khi quan Phụ chính Đại thần cuối thời Tự Đức (1848-1883) là ông Trần Tiễn Thành đến xây tư dinh ở ngã ba đường Chi Lăng với đường Nguyễn Du,⁽⁵⁰⁾ tàn tích của những người bán hàng rong nhỏ lẻ của Phố Chợ Dinh được tụ tập bày bán sát bờ Sông Hương trước Dinh Ông, nên chợ này được gọi là “Chợ Dinh Ông” như Cadière từng nói. Vì sợ ồn ào đến tư dinh Cự lớn, các loại gia súc được gom lại ở cây đa cổ thụ, nơi có am xóm Đông Trì Thượng, tức trước mặt đình Phú Cát ngày nay. Các lái buôn thường cột gia súc vào rễ cây đa để bày bán. Cả hai nơi này đều có đường thông xuống bến đò dọc Sông Hương.

Chính vì “*Phố Chợ Dinh*” chạy dài suốt đến hết đường Chi Lăng, “*đường này đi thẳng đến bờ sông, nơi có những con đò đưa khách qua bờ bên kia*” nên ta thấy trên chuông chùa Xuân An (tức chùa Trường Xuân) làm năm Gia Long thứ 3 (1804) có ghi “*Dinh Thị Xuân An ấp*”,⁽⁵¹⁾ hoặc bia chùa Trường Xuân làm năm Tự Đức thứ 14 (1861) có ghi “*Hương Trà huyện, Phú Xuân tổng, Dinh Thị, Xuân An ấp*”.⁽⁵²⁾

Và tôi cho rằng “Phố Chợ Dinh” này, chủ yếu là từ cầu Gia Hội đến khoảng ngang ngã ba đường Chi Lăng với đường Nguyễn Bình Khiêm, vì theo Michel Đức Chaigneau nói *“khi rời dần khu vực chợ [Được] thì hàng quán càng thưa thớt, đến quãng giữa con đường thì chỉ còn những tư gia với hàng rào tre”*, điều mô tả này đúng, vì thời tôi còn nhỏ [khoảng năm 1980] khung cảnh đường Chi Lăng cũng vẫn còn như Chaigneau tả; nghĩa là Phố Chợ Dinh chủ yếu ở nửa đoạn trên đường Chi Lăng, thuộc phường Phú Cát, còn nửa đoạn dưới đường Chi Lăng, thuộc phường Phú Hiệp, vẫn còn hoang sơ, ít người ở, lau lách um tùm, ít ai dám đi lại lúc trời bắt đầu tối...⁽⁵³⁾ Thế mà chỉ mới 40 năm, vùng này đã đô thị hóa, nhà cửa chi chít, không còn chỗ trống!

Một điều nữa, theo cha tôi nói, mà tôi cũng biết, trụ sở Công an phường Phú Hiệp (số 224, đường Chi Lăng) hiện nay, chỉ cách nhà tôi 2 nhà, chính là “Nhà douane” của Pháp ngày xưa để kiểm tra và thu thuế hàng hóa đường bộ cũng như đường sông trước khi người bán hàng và tàu thuyền chở hàng vào bán ở Chợ Dinh. Cho nên, theo hướng con thuyền từ ngoài biển vào, thì Chợ Dinh phải nằm phía sau nhà thu thuế, mới có thể kiểm tra hàng hóa, thu thuế trước khi cho thuyền vào bán. Và tôi cũng chứng kiến, ở trước mặt Quảng Triệu Hội quán (nay là Chợ Cồn - Phú Cát) có bến cảng duy nhất và rất sâu với bờ kè cao nhất vùng đó, nay mới 40 năm mà đã bị đất bồi che lấp, chính là cảng tàu thuyền cập bến bán hàng cho Phố Chợ Dinh. Lúc còn nhỏ tôi thường đi tắm sông, đứng trên bờ kè cao này nhảy xuống sông mà chân vẫn không chạm đáy sông.

Như vậy, “*Dinh Thị Hạ*”, ấp dưới Chợ Dinh, nơi chùa Trường Xuân, chỉ là danh xưng chỉ khu vực phía dưới phố Chợ Dinh, nơi bến đò Chợ Dinh như Michel Đức Chaigneau từng mô tả, chứ ở đây không hề có cái Chợ Dinh nào!

Còn Chợ Được, sau khi “*chợ Đông Ba đem ra ngoài gịai*” vào năm 1899, thì chợ này, chỉ cách chợ Đông Ba qua cây cầu Gia Hội, nên dần sáp nhập vào chợ Đông Ba và lụi tàn; nên sử thời Duy Tân (1907-1916) không chép vào...

Trong quá trình biến thiên và mất đi của Chợ Được và Chợ Dinh ở chân cầu Đông Ba cùng với sự đô thị hóa phố Chợ Dinh (đường Chi Lăng ngày nay), một số gánh hàng rong của Chợ Được và Chợ Dinh nhóm lại ở ngã ba đường Chi Lăng với đường Nguyễn Du để bán hàng rong cho dinh ông Thọ Xuân Vương và dinh ông Trần Tiền Thành cũng gần đó, để tạo nên một chợ nhỏ gọi là “*Chợ Dinh Ông*”.

Chính cái *Chợ Dinh Ông* này, theo cha tôi nói, năm 1947, do chiến tranh Pháp - Việt, người ta sơ tán về bến đò Chợ Dinh. Sau khi hòa bình lập lại, một phần nhóm *Chợ Dinh Ông* này quay trở lại khu vực cũ, rồi di chuyển dần thành Chợ Cồn - Phú Cát ngày nay, chỉ cách Chợ Dinh Ông cũ có vài trăm mét. Riêng ở bến đò Chợ Dinh, sau năm 1954, do di dân từ 2 làng Bùi Chu, Phát Diệm ở ngoài

Bắc vào, nên một nhóm của *Chợ Dinh Ông* ở lại buôn bán nơi đây, dần hình thành một ngôi chợ mới, cũng gọi là “Chợ Dinh” vì gần bến đò Chợ Dinh. Trong khảo cứu “Một trang sử Hoa kiều ở Thuận Hóa”, giáo sư Chen Ching Ho giải thích rằng “*Chợ Dinh hiện nay nằm về dãy phía bắc Hội quán Phúc Kiến*”,⁽⁵⁴⁾ cách giải thích này đúng với thời điểm giáo sư viết bài khảo cứu là năm 1959, lúc đó cái Chợ Dinh mới ở phường Phú Hiệp đã hình thành từ năm 1954, nhưng nó không phải là “*Chợ Dinh bán áo con trai*” nổi tiếng từ xưa!

Diễn giải trên của tôi quá sức dài dòng, nhưng chỉ tóm lại rằng, các ngôi Chợ Được, Chợ Đông Ba, Chợ Dinh Ông, rồi Chợ Dinh mới, Chợ Cồn - Phú Cát... chỉ là hậu thân của một “*Chợ Dinh bán áo con trai*” thời chúa Nguyễn, bị chia cắt do việc đào sông Đông Ba, rồi đô thị hóa hàng trăm năm mà biến dạng dần ra, như một gốc cổ thụ qua thời gian dài, đâm ra nhiều nhánh xum xuê mà thôi...

Và cũng chính vì vậy mà Michel Đức Chaigneau mô tả nhà của mình, khi thì nói “*nhà nằm ở khu vực Chợ Được*”, khi thì nói “*ở Chợ Dinh*”, làm Cadière mất công bình luận...

III. Niên biểu các sự kiện liên quan đến sự hình thành “*Phố Chợ Dinh*”

- Năm 1635: chúa Nguyễn Phúc Lan dời thủ phủ từ Phước Yên vào Kim Long, sau đó cho mở thương cảng Thanh Hà để buôn bán.

- Năm 1665: xuất hiện Phủ Ao, còn được gọi là phủ Đông Trì, nay ở đường Mạc Đĩnh Chi, sau lưng phủ Thọ Xuân Vương.

- Năm 1687: chúa Nguyễn Phúc Thái dời thủ phủ từ Kim Long về Phú Xuân.

- 1691-1725: chúa Nguyễn Phúc Chu làm bài thơ *Thuận Hóa văn thị* mô tả một ngôi chợ lớn ở gần sông, có lẽ đây là tiền thân của Chợ Dinh.

- Năm 1695: cháy nhiều nhà tranh, lan ra mấy dặm, chúa Nguyễn Phúc Chu đích thân đi chữa lửa.

- Năm 1704: cháy chợ Phú Xuân, lan đến Phủ Ao. Chợ Phú Xuân đây, có lẽ là tiền thân của Chợ Dinh.

- Năm 1709: danh xưng “Chợ Dinh” được sử dụng, được Quốc Sử Quán triều Nguyễn ghi lại.

- Năm 1712: chúa Nguyễn Phúc Chu dời thủ phủ về Bắc Vọng.

- Năm 1738: chúa Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi, dời thủ phủ về lại Phú Xuân, bắt đầu kiến thiết Đô thành Phú Xuân. Phủ Ao trở thành “Cung điện mùa hè”.

- Năm 1744: chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, ra lệnh đổi y phục, “*khiến phụ nữ đều mặc áo ngắn hẹp tay như áo đàn ông*”, câu ca dao “*Chợ Dinh bán áo con trai*” có lẽ ra đời trong thời điểm này.

- Năm 1774: Bùi Thế Đạt, tướng quân Trịnh, để chuẩn bị tiến đánh Phú Xuân, đã vẽ *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*, trong đó có ghi địa danh “*Dinh Thị*”, tức Chợ Dinh.

- Năm 1776: Lê Quý Đôn được chúa Trịnh cử vào Phú Xuân, đã viết quyển *Phủ biên tạp lục*, trong đó mô tả khu vực Chợ Dinh ở phía dưới đô thành là “*nhà cửa ở Phú Ao... chợ phố liền nhau... Thuyền buôn bán, đồ dọc ngang đi lại như mắc cửi*”.

- Năm 1785: Nguyễn Huy Quýnh, vị quan của chúa Trịnh, được cử vào Nam, viết quyển *Quảng Thuận đạo sử tập*, trong bản đồ Phú Xuân có ghi địa danh “*Phố Chợ Dinh*”.

- Năm 1801: Nguyễn vương Phúc Ánh trở lại Phú Xuân.

- Năm 1802: Nguyễn vương Phúc Ánh lên ngôi, tức là vua Gia Long.

- Năm 1804: khu vực Đông Trì (Chợ Dinh) bị cháy, lan hơn 100 nhà, vua sai quy hoạch lại.

- Năm 1805: vua Gia Long sai đào sông Đông Ba.

- Thời Gia Long: có chợ ngay trước cửa Chính Đông, gần chân cầu Đông Ba nên tục gọi là chợ Đông Ba, nhưng tên vua đặt là “chợ Đông Gia”.

- Năm 1819: L. Rey, thuyền trưởng tàu Henry đã vẽ một bản đồ, ghi chú khu vực tên “*île de Kew Digne (Đảo Chợ Dinh)*”.

- Năm 1821: gia đình Michel Đức Chaigneau đến Huế, mua nhà ở “*Chợ Đuợc*”, chứng kiến có “*Chợ Dinh*” ở chân cầu Đông Ba đối diện phía bên kia của chợ Đông Ba. Và hai ngôi chợ này được mô tả trong quyển *Souvenirs de Hué*.

- Thời Minh Mệnh (1820-1840): vị trí Phú Ao thời chúa Nguyễn được chuyển thành phủ của Thọ Xuân Vương (nay là nhà số 209 đường Chi Lăng).

- Thời Tự Đức (1848-1883): Quốc Sử Quán triều Nguyễn viết *Đại Nam nhất thống chí*, có mô tả về “Chợ Mụ Đặng” (tức Chợ Đuợc).

- Năm 1876: trong một báo cáo, Detreuil de Rhins có mô tả “Chợ Đuợc”.

- Năm 1883: quan Phụ chính Đại thần Trần Tiễn Thành dựng tư dinh ở gần ngã ba đường Chi Lăng với đường Nguyễn Du.

- Năm 1899: Chợ Đông Ba được “*đem ra ngoài gai*”, tức dời ra vị trí hiện nay.

- Thời Duy Tân (1907-1916): Quốc Sử Quán triều Nguyễn viết lại *Đại Nam nhất thống chí*, không còn mô tả về “Chợ Mụ Đặng”. Đoạn đường từ cầu Gia Hội đến ngã ba đường Chi Lăng với Nguyễn Bình Khiêm, tức khu vực Hoa kiều ở, được gọi là “*Phố Chợ Dinh*”.

- Năm 1922: Cadière chứng kiến có một ngôi chợ ở ngã ba đường Chi Lăng với đường Nguyễn Du, có tên là “Chợ Dinh Ông”, gọi tắt là “Chợ Dinh”.

- Năm 1947: cư dân ở khu vực Chợ Dinh Ông là ông Nguyễn Văn Cường, chứng kiến Chợ Dinh Ông, do chiến tranh Pháp - Việt, được dời về cuối đường Chi Lăng và hình thành nên cái “Chợ Dinh” mới ngày nay.

Kim Long Thư Hương các, 2020

N A H

CHÚ THÍCH

- (1) Xem các bài: Nguyễn Văn Cường. “Vị trí Chợ Dinh Ông”. *Huế xưa & nay*. Số 8, 1994. Lê Nguyễn Lưu “Chợ Dinh có từ bao giờ, ở đâu?”, *Huế xưa & nay*. Số 15, 1995. Nguyễn Văn Cường. “Vị trí Chợ Dinh xưa và nay”. *Huế xưa & nay*. Số 17, 1996.
- (2) Xem: H. Cosserat. “La citadelle de Hué: Cartographie”. *Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH)*. Số 1-2, 1933, tr. 11, Bản đồ số I.
- (3) Tức là đường Chi Lăng hiện nay. Ngoài ra, đường Bạch Đằng hiện nay thì ngày xưa được triều đình đặt tên là “Phố Gia Hội”, ta lưu ý một bên dùng chữ “phố”, một bên dùng chữ “đường” để phân biệt sự khác nhau giữa hai con đường.
- (4) Chẳng hạn, xem: L. Cadière và H. Cosserat. “Les Français au service de Gia Long: VI. La maison de J. B. Chaigneau, Consul de France à Hué”. *BAVH* Số 1 (Tháng 1-3), 1922, tr. 24. Hoặc xem: H. Cosserat. “La citadelle de Hué: Cartographie”. *Bài đã dẫn*, tr. 35, Bản đồ số XXV.
- (5) H. Cosserat. “La citadelle de Hué: Cartographie”. *Bài đã dẫn*. Bản đồ số II bis.
- (6) Lê Nguyễn Lưu. *Bài đã dẫn*, tr. 89.
- (7) L. Cadière và H. Cosserat. “Les Français au service de Gia Long: VI. La maison de J. B. Chaigneau, Consul de France à Hué”. *Bài đã dẫn*, tr. 26.
- (8) Michel Đức Chaigneau (1867). *Souvenirs de Hué*. Paris. Toàn bộ trích dẫn trong bài viết này, tôi dùng bản dịch tiếng Việt của Lê Đức Quang (2006). *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*. Nxb Thuận Hóa.
- (9) Nguyễn Anh Huy. “Về Phủ Ao, cung điện mùa hè của chúa Nguyễn”. *Huế xưa & nay*. Số 156, tháng 11-12/2019.
- (10) Nguyễn Huy Quỳnh (2018). *Quảng Thuận đạo sử tập*. Nxb Đại học Vinh, tr. 79.
- (11) Lê Quý Đôn (2015). *Phủ biên tạp lục* (bản dịch & bổ chính: Trần Đại Vinh). Nxb Đà Nẵng, tr. 187.
- (12) “Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư” và “Giáp Ngọ niên bình Nam đồ”. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*. Số 2 (109), 2014, tr. 94, mục 6C.
- (13) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch) (2004). *Đại Nam thực lục*. Nxb Giáo dục. Tập 1, tr. 124.
- (14) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 117.
- (15) Nguyễn Huy Quỳnh. *Sách đã dẫn*, tr. 79, vị trí được đánh số 23.
- (16) Thích Đại Sán (Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương dịch; Nguyễn Thanh Tùng hiệu chú, giới thiệu) (2016). *Hải ngoại kỷ sự*. Nxb Đại học Sư phạm, tr. 148-149.

- (17) Phạm Hy Tùng. “Tìm về Minh vương Nguyễn Phúc Chu qua bốn bài thơ Đường luật trên đồ gốm cổ”. *Nghiên cứu Huế*. Tập 5, 2003, tr. 168.
- (18) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 98.
- (19) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 81.
- (20) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Viện Sử học dịch) (2006). *Đại Nam nhất thống chí* (5 tập). Bản viết thời Tự Đức. Nxb Thuận Hóa. Tập 1, tr. 91.
- (21) Trần Kinh Hòa. “Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên”. *Đại học*, Tạp chí nghiên cứu của Viện Đại học Huế. Số 3, tháng 7/1961, tr. 113.
- (22) Trong phần thổ sản sách *Đại Nam nhất thống chí*, chỉ ghi là ở đây có con “蛄 hiện” tục danh gọi là “cái hến”, chứ không hề có loài trai.
- (23) Lê Nguyễn Lưu. *Bài đã dẫn*, tr. 90-91.
- (24) Lê Quý Đôn. *Sách đã dẫn*, tr. 47.
- (25) Lê Quý Đôn. *Sách đã dẫn*, tr. 292. Một điều rất lạ là: xưa nay tôi thường nghe giải thích rằng nguồn gốc áo dài của phụ nữ Việt Nam được bắt đầu do chúa Nguyễn Phúc Khoát bắt thay đổi y phục mà chế ra; nhưng Lê Quý Đôn là người đương thời lúc đó, đã chứng kiến ngược lại là, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã “ *khiến phụ nữ đều mặc áo NGẮN... như áo đàn ông*” (nguyên văn: 使婦女皆窄袖短衣如男裝 *sử phụ nữ giai trách tỵ đoản y như nam trang*). Sự chứng kiến và ghi chép của Lê Quý Đôn này, cho thấy việc thay đổi áo mào thời chúa Nguyễn Phúc Khoát không phải là sáng tác ra mẫu áo dài như cách hiểu bấy lâu nay, do vậy, việc giải thích nguồn gốc áo dài Việt Nam cũng cần phải tìm hiểu kỹ lại !
- (26) Lê Quý Đôn. *Sách đã dẫn*, tr. 50.
- (27) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 153.
- (28) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 158-159.
- (29) Lê Quý Đôn. *Sách đã dẫn*, tr. 94.
- (30) *Đại Nam thực lục. Sách đã dẫn*. Tập 1, tr. 612.
- (31) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (Hoàng Văn Lâu dịch) (2012). *Đại Nam nhất thống chí* (2 tập). Bản viết thời Duy Tân. Nxb Lao Động, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Tập 1, tr. 36.
- (32) Về cầu Gia Hội, *Đại Nam thực lục, sách đã dẫn*, tập 5, tr. 665, cho biết thêm: “*Minh Mệnh năm thứ 21 [1840], mùa xuân, tháng 2... Vua lại cho là cầu Gia Hội nhiều người đi lại, sai làm nhà rạp dài ở trên (chính giữa cầu tầng trên làm 3 gian, đằng trước đằng sau ở tầng dưới đều làm 2 gian) để treo đèn lồng*”.
- (33) Nguyên tên cầu là “Đông Hoa”, mặc dù năm 1839 đã đổi tên là cầu “Đông Gia”, nhưng dân gian vẫn quen gọi theo tên cũ là “Đông Hoa”, và vì chữ “Hoa” là tên húy bà Hồ Thị Hoa, mẹ vua Thiệu Trị, nên đọc trại thành “Đông Ba”.
- (34) *Đại Nam nhất thống chí*. Bản viết thời Duy Tân đã dẫn. Tập 1, tr. 164.
- (35) *Đại Nam thực lục, sách đã dẫn*. Tập 3, tr. 214, ghi: “[1831]... Tháng 9... có tên côn đồ điều xảo... Quan Phủ đoán bắt được, [vua] giao cho bộ Hình nghiêm xét, rồi chém ở chợ Cửa Đông”.
- (36) Michel Đức Chaigneau. *Bản dịch đã dẫn*, tr. 250.
- (37) H. Cosserat. “La citadelle de Hué: Cartographie”. *Bài đã dẫn*, Bản đồ số III.
- (38) Michel Đức Chaigneau. *Bản dịch đã dẫn*, tr. 125.

- (39) Đại Nam thực lục. *Sách đã dẫn*. Tập 5, tr. 100-101.
- (40) Michel Đức Chaigneau. *Bản dịch đã dẫn*, tr. 286.
- (41) Nguyên chú của Chaigneau: “Con đường này, cũng như tất cả các con đường khác ở Kinh thành Huế, không có tên, nhà cửa không đánh số. Cái tên Chợ Được là dùng cho cả vùng đất nơi có khu vực họp chợ”.
- (42) Michel Đức Chaigneau. *Bản dịch đã dẫn*, tr. 245-250.
- (43) *Đại Nam nhất thống chí*. Bản viết thời Tự Đức đã dẫn. Tập 1, tr. 214.
- (44) *Đại Nam nhất thống chí*. Bản viết thời Duy Tân đã dẫn. Tập 1, tr. 147.
- (45) Dẫn lại theo: Trần Kinh Hòa. *Bài đã dẫn*, tr. 117.
- (46) *Đại Nam nhất thống chí*. Bản viết thời Duy Tân đã dẫn. Tập 1, tr. 163.
- (47) Chữ “phổ 浦” ở đây âm /bô/ viết theo kiểu của người miền Bắc viết, gồm chữ “Phủ 浦” trong bộ “Nghiêm 艸”, vì Nguyễn Huy Quính tác giả vẽ bản đồ này là người Đàng Ngoài được cử vào Đàng Trong, nên viết chữ “phổ” như vậy, tương tự như Xuân quận công Nguyễn Nghiễm viết chữ này trong bài thơ vẫn còn ở Chùa Ông ở Hội An.
- (48) Sau khi Chợ Được sáp nhập vào chợ Đông Ba, miếu thờ này vẫn còn, về sau, khu vực này bị giải tỏa để làm công viên, bài vị được đưa về thờ ở một ngôi miếu cổ trong phường. Sau này Ủy ban nhân dân phường Phú Cát lấy miếu này làm trạm y tế phường, rồi lại bán đất này. Người mới mua sửa làm nhà ở, di tích miếu đã mất hoàn toàn, chỉ còn cây sứ lâu năm ở trước sân nay vẫn còn, ở ngôi nhà số 163 đường Chi Lăng.
- (49) Michel Đức Chaigneau. *Bản dịch đã dẫn*, tr. 247.
- (50) Khu vực này sau bán lại cho ông Ngô Xuân Lan xây lầu 2 tầng đẹp nhất thời ấy, ngày nay bị cắt nhỏ thành các nhà số 173-181 đường Chi Lăng; ở nhà số 181, nay còn cái hèm, xưa kia còn bức thành bằng gạch cũ, chính là khuôn viên dinh ông Trần Tiến Thành. Mới đây, đầu thế kỷ XXI, bức tường gạch đó đã bị đập bỏ.
- (51) Trần Đại Vinh (2006). *Văn bia & văn chương Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 50.
- (52) Trần Đại Vinh. *Sách đã dẫn*, tr. 55.
- (53) Lúc 5 giờ sáng Mồng 1 Tết Nguyên đán năm nay (Canh Tý 2020), tôi tình cờ gặp nhà nghiên cứu Vĩnh Cao ở quán cà phê đầu đường Bạch Đằng, Huế, nói chuyện về phố Chợ Dinh, ông cũng nói rất buồn cười rằng: “-Đoạn đường nó (Chi Lăng, phường Phú Hiệp), hồi nó vắng vẻ, cả MA không (tức nhiều ma-âm hồn), có ai dám đi mô, chỉ có mấy mụ bán trứng lộn vì kẻ sinh nhai, mới dám đi ban đêm !”.
- (54) Trần Kinh Hòa. *Bài đã dẫn*, tr. 115.

TÓM TẮT

Chợ Dinh ở Huế đã có lịch sử lâu đời, từ năm 1709 đã được ghi chép vào sử sách, nhưng theo ý tác giả, có thể Chợ Dinh đã xuất hiện từ năm 1665 để phục vụ cho Phủ Ao. Câu ca dao “*Chợ Dinh bán áo con trai*”, theo kết quả nghiên cứu của tác giả, Chợ Dinh được xuất hiện vào thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, khi chúa bắt toàn dân thay đổi y phục mới.

Một vấn đề nữa, theo khảo cứu, tác giả cho rằng Chợ Dinh hiện nay ở cuối đường Chi Lăng, Chợ Dinh Ông ở ngã ba đường Chi Lăng - Nguyễn Du, Chợ Dinh ở chân cầu Đông Ba (đầu đường Nguyễn Chí Thanh hiện nay, theo mô tả của Michel Đức Chaigneau) và cả chợ Đông Ba, Chợ Đước, Chợ Cồn - Phú Cát... chỉ là những hậu thân của Chợ Dinh thời chúa Nguyễn, do hệ quả của việc vua Gia Long đào sông Đông Ba năm 1805 mà biến thiên hình thành nên, tương tự như một gốc cây có nhiều cành nhánh vậy.

Và khu vực này được người Pháp gọi là “Đảo Chợ Dinh”, là một khu vực quan trọng, có nhiều ông hoàng bà chúa ở, nên cần phải bỏ nhiều công sức mới tìm hiểu hết được.

ABSTRACT

ABOUT THE VERSE “DINH MARKET SELLS BOY’S CLOTHES...”

Dinh Market in Huế has a long history, since 1709 it has been recorded in history books, but according to the author, it may have appeared since 1665 to serve the Ao Palace. According to the author’s research results, the verse “Dinh Market sells boy’s clothes” appeared in the time of Lord Nguyễn Phúc Khoát, when the Lord forced the whole people to change new clothes.

In the study, the author suggests that current Dinh Market at the end of Chi Lăng street, Dinh Ông Market at the junction of Chi Lăng-Nguyễn Du streets, Dinh Market at the foot of Đông Ba Bridge (at the beginning of Nguyễn Chí Thanh street today, according to the description of Michel Đức Chaigneau) and even Đông Ba Market, Đước Market, Cồn-Phú Cát Market... are just the versions of the Nguyễn Dynasty’s Dinh Market, as a result of the fact that Đông Ba River was dug in 1805 under the order of Emperor Gia Long, which is transformed like a tree with many branches.

This important area was called “Dinh Market Island” by the French, with many palaces of royal princes and princesses, so it takes a lot of effort to find out.